TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-6-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tạo
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Thanh Tú
Bà Bùi Thị Thu Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiếm - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 658/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ánh T, sinh năm 1984 (xin vắng mặt).
- *Bị đơn:* Ông Lê Hồng Th, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 12 năm 2022 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện, nguyên đơn bà Lê Thị Ánh T trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên bà T và ông Th kết hôn với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau vào năm 2007. Khi mới kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau và bạo lực gia đình, đỉnh điểm là vào ngày 21/11/2020 và hiện vợ chồng cũng đã sống ly Th từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc và không thể tiếp tục duy trì nên bà Lê Thị Ánh T xin được ly hôn với ông Lê Hồng Th.

- Về con chung: Có 02 người con tên Lê Xuân Đ, sinh ngày 10/5/2008 (nam) và Lê Đ K, sinh ngày 20/02/2015 (nam) hiện sống chung với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được muôi dưỡng, chăm sóc 02 người con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại biên bản hòa giải ngày 10/01/2023 bị đơn ông Lê Hồng Th trình bày:*

- Về hôn nhân: Ông Th thống nhất với nội dung trình bày trên của bà T, về hôn nhân qua thời gian quen biết, tìm hiểu nhau nên ông Th và bà T kết hôn với nhau vào năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Ông không đồng ý theo lời trình bày của bà T về nguyên nhân mâu thuẫn. Ông xác định là ông và bà T không có mâu thuẫn gì lớn, ông và bà T không có sống ly Th. Hiện nay, ông đang công tác tại Tổ đường dây và Trạm 110 KV Phú Quốc thuộc đội Cao thế Kiên Giang thuộc Công ty Điện Lực Kiên Giang nên thời gian anh sống ở gia đình rất ít, tầm tháng rưỡi hoặc hai tháng về nhà. Nay ông không đồng ý ly hôn với bà T vì ông vẫn còn tình cảm với bà T và muốn sống cùng bà T để lo cho các con.

- Về con chung: Ông và bà có 02 người con tên Lê Xuân Đ, sinh ngày 10/5/2008 (nam) và Lê Đ K, sinh ngày 20/02/2015 (nam), hiện sống chung với bà T. Khi ly hôn bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con. Nếu trường hợp Toà án giải quyết cho ông và bà T ly hôn thì ông không đồng ý giao con cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông yêu cầu được nuôi hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi hai con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Có tài sản chung gồm hai phần đất:

+ Phần đất thứ nhất: Có diện tích 50m^2, toạ lạc tại ấp Phấn Thạnh, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T và ông cùng đứng tên.

+ Phần đất thứ hai: Diện tích 500m^2, toạ lạc tại Phường 6, thành phố cà Mau, tỉnh Cà Mau, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông và bà T cùng đứng tên.

+ 01 căn nhà cấp 4 và đất toạ lạc tại ấp Phấn Thạnh, xã Thạnh Phú, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, chỉ có giấy tay không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có thế chấp Ngân hàng để vay tiền.

Ngoài ra, không có tài sản nào khác.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà T ly hôn thì ông yêu cầu chia đôi các tài sản nêu trên.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Thị Ánh T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Lê Hoàng Th Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 đối với ông Th, nhưng ông Th vẫn vắng mặt không lý do; Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với ông Lê Hoàng Th.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Bà T và ông Th tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2007, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đất Mới, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 74 ngày 11 tháng 7 năm 2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà T và ông Th được pháp luật công nhận là vợ chồng kể từ thời điểm Đ ký kết hôn.

Xét thấy, bà T xin ly hôn với ông Th là vì trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau và bạo lực gia đình, đỉnh điểm là vào ngày 21/11/2020 và hiện vợ chồng cũng đã sống ly Th từ tháng 11 năm 2020 cho đến nay. Về phía ông Th cho rằng quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, nhưng ông Th đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập xét xử hợp lệ lần 2 đối với ông Th, nhưng ông Th vẫn vắng mặt không lý do, từ đó cho thấy ông Th cũng không có thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa ông Th với bà T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà T với ông Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T. Bà T được ly hôn với ông Th theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về nuôi con chung: Bà T và ông Th xác định vợ chồng có 02 người con tên Lê Xuân Đ, sinh ngày 10/5/2008 (nam) và Lê Đ K, sinh ngày 20/02/2015 (nam), hiện sống chung với bà T. Khi ly hôn bà T và ông Th đều yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 người con. Xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con, Tòa án đã làm việc trực tiếp với cháu Đ và cháu K thì cháu Đ và

cháu K điều có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của các cháu, giao cháu Lê Xuân Đ, sinh ngày 10/5/2008 (nam) và Lê Đ K, sinh ngày 20/02/2015 (nam) cho bà T có trách nhiệm nuôi dưỡng và chăm sóc.

Ông Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Tuy nhiên, lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên nên không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung: Bà T không đặt ra yêu cầu nên không xem xét. Ông Th yêu cầu chia đôi tài sản chung nhưng ông không xác định được giá trị tài sản và yêu cầu được nhận giá trị hay nhận tài sản, cho nên Tòa án có ra thông báo cho ông Th đến Tòa án để làm thủ tục chia tài sản chung và nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nhưng hết thời hạn quy định mà ông Th không đến Tòa án để làm thủ tục chia tài sản chung và nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nên không không đặt ra xem xét yêu cầu này của ông Th. Trường hợp ông Th và bà T không tự thỏa thuận được về chia tài sản chung thì ông Th và bà T có quyền làm đơn khởi kiện bằng một vụ kiện khác về việc chia tài sản chung sau khi ly hôn.

[5] Về nợ chung: Bà T và ông Th xác định không có, không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch 300.000 đồng, người khởi kiện yêu cầu ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp chận cho ly hôn đều phải chịu án phí nên bà T phải chịu nộp 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã dự nộp.

[7] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị Ánh T. Bà Lê Thị Ánh T được ly hôn với ông Lê Hồng Th.

2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Lê Thị Ánh T nuôi dưỡng và chăm sóc 02 người con tên Lê Xuân Đ, sinh ngày 10/5/2008 (nam) và Lê Đ K, sinh ngày 20/02/2015 (nam).

Ông Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng, bà T phải chịu nộp án phí 300.000 đồng, bà T có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008630 ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau được chuyển thu, không phải nộp tiếp.

"Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện Cái Nước;
- UBND xã Đất Mới, H.Năm Căn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tạo